

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 185/2022/DS-PT

Ngày: 16 – 9 – 2022.

V/v “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Nguyễn Tấn Đức

Các Thẩm phán: 1. Ông Vũ Văn Tú

2. Ông Nguyễn Duy Thuần

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Khắc Anh – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Hiếu - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 166/2022/TLPT-DS ngày 01/8/2022 về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 37/2022/DS-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo, kháng nghị. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số **199/2022/QĐ-PT** ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Xuân T; Địa chỉ: Thôn H, xã H, huyện A, tỉnh Đắk Lắk; Vắng mặt

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Công H; Địa chỉ: 79 A, phường T, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk. Có mặt

- *Bị đơn:* Ủy ban nhân dân xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk;

Đại diện theo pháp luật: Ông Phan Văn T, chức vụ Chủ tịch. Có mặt

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Thái Mạnh S; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Thái Mạnh C; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Thái Quang V; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Mai Văn V; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Tạ Duy T; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

+ Ông Đỗ Quý N và bà Đỗ Thị N; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

- + Ông Nguyễn Văn Đ; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- + Ông Nguyễn Cường T; Địa chỉ: Thôn A, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- + Ông Y H Mlô; Địa chỉ: Buôn K, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- + Ông Lê Quang B; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- + Ông Chu Văn T; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- + Ông Nguyễn Văn T; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- + Ông Nguyễn Xuân T; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.
- + Ông Trần Đăng K; Địa chỉ: Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(Đều vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/7/2020, cũng như tại các buổi làm việc và tại phiên tòa hôm nay ông Phạm Công H đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nguyên trình bày:

Vào đầu năm 1993, gia đình ông Nguyễn Xuân T từ huyện A đi xây dựng kinh tế mới tại Thôn C, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Khoảng tháng 3 năm 1993, ông Nguyễn Cường T là người trực tiếp khảo sát quy hoạch khu vực đất và tiến hành phân chia cho 75 hộ dân đi xây dựng kinh tế mới, diện tích nhiều hay ít theo mức tiền mua của các hộ dân. Theo đó, ông T, ông Nguyễn T, Nguyễn Xuân T, Nguyễn Xuân H. Các hộ này đã nộp tiền và được chia 05ha đất (có danh sách xác nhận của ông T), thửa đất có tứ cận như sau: Phía đông giáp đường mòn lầy gỗ; Phía tây giáp đất Ma H; Phía nam giáp đất ông T; Phía bắc giáp đất ông M.

Sau khi nhận 05ha đất thì các hộ tiến hành phân chia, tôi được chia 1,25ha. Nhận diện tích đất này xong, ông T tiến hành dọn dẹp, khai hoang, canh tác sử dụng toàn bộ diện tích này.

Ngày 03/4/1993 ông T làm đơn xin cấp đất đối với diện tích đất 1,25ha thì đến ngày 15/01/1995 đã được UBND xã xác nhận vào đơn này.

Trong khoảng thời gian xin cấp đất thì vào tháng 7 năm 1993, ông T đã xây dựng một căn nhà gỗ để ở và đào giếng nước để phục vụ sinh hoạt. **Năm 1996**, ông T đi chấp hành phạt tù nên có nhờ em trai là ông Nguyễn Xuân T canh tác, trông coi 1,25ha đất nói trên. Trong thời gian này, Nguyễn Xuân T xây dựng thêm một căn nhà để ở. Năm 2001, ông T nhận lại diện tích đất nêu trên và tiếp tục canh tác trồng cà phê, hoa màu. Trong quá trình sử dụng, ông T đã nộp tiền thuê sử dụng đất xâm canh từ năm 1995 - 2009 và có sổ liên lạc năm 2009.

Trong thời gian ông T sử dụng đất, UBND xã E ngăn cản gây khó khăn trong việc canh tác, sản xuất và đến năm 2014 thì UBND xã cương quyết không cho ông T sử dụng đất.

Tháng 6 năm 2017, ông T đã có đơn tố cáo Chủ tịch UBND xã E. Khi nhận được Kết luận giải quyết đơn tố cáo số 02/KL-UBND ngày 28/7/2017 của Chủ tịch UBND huyện K thì ông T mới biết toàn bộ diện tích đất 1,25ha đã bị UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 766144 cho UBND

xã E vào ngày 19/10/2011, thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71, diện tích là 13.838 m², mục đích sử dụng là đất cơ sở văn hóa.

Việc UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 766144 cho UBND xã E vào ngày 19/10/2011 đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông T vì diện tích đất này ông T đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 và không có tranh chấp. Đồng thời, cũng không bị bắt kể một cơ quan nhà nước có thẩm quyền nào xử phạt dưới bất kể hình thức gì liên quan đến việc sử dụng diện tích đất nêu trên.

Quá bức xúc trước việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trái quy định của UBND tỉnh Đắk Lắk. Ngày 10/10/2017, ông T đã nộp đơn khởi kiện UBND tỉnh Đắk Lắk đến Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk với yêu cầu khởi kiện: Đề nghị Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 766144 ngày 19/10/2011 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho UBND xã E đối với thửa đất số 27, thuộc tờ bản đồ số 71, diện tích là 13.838 m².

Sau khi xem xét yêu cầu khởi kiện, Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã tiến hành thụ lý vụ án, ngày 24/5/2018 Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã đưa vụ án ra xét xử, theo nội dung tuyên xử của bản án số 17/2018/HCST thì: Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T, đồng thời tuyên hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 766144 ngày 19/10/2011 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho UBND xã E đối với thửa đất số 27, thuộc tờ bản đồ số 71, diện tích là 13.838 m².

Ngày 08/6/2018, UBND xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân cấp phúc thẩm tại Đà Nẵng để xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Ngày 11/10/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đưa vụ án ra xét xử, Tại phần Quyết định của bản án số 160/2018/HC-PT Tòa án nhân dân tối cao nêu rõ: Không chấp nhận đơn kháng cáo của UBND xã E huyện K; Giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 17/2018/HC-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk về việc khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai. Đồng thời, cũng tại bản án phúc thẩm đã tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện là ông Nguyễn Xuân T.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BE 766144 ngày 19/10/2011 do UBND tỉnh Đắk Lắk cấp cho UBND xã E đối với thửa đất số 27, thuộc tờ bản đồ số 71, diện tích là 13.838 m², tại xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Sau khi bản án phúc thẩm có hiệu lực ông T đã đến thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71, tại xã E để dọn dẹp sử dụng đất. Lúc này, UBND xã E ngăn không cho tôi sử dụng cho rằng đây là đất của UBND xã E. Ngày 10/9/2019, ông T có nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Krông Năng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đề nghị Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết buộc UBND xã E trả lại cho Nguyễn Xuân T diện tích đất 14597.2m² theo kết quả đo đạc diện tích đất đang tranh chấp.

Trong các lời khai, và tại phiên tòa bị đơn ông Phan Văn T trình bày: UBND xã E không chấp nhận ý kiến của đại diện nguyên đơn ông Phạm Công Hải đưa ra vì các lý do sau.

Tại Thửa đất số 27, tờ bản đồ số 71 diện tích 13.838m² có nguồn gốc là 09 hộ dân tại buôn Yoz xã Đ nay là thôn C, xã E hiến tặng. Sau khi các hộ dân hiến tặng thì UBND xã Đ đã sử dụng quy hoạch sử dụng để làm đất công cộng từ năm 1995 cho đến nay làm hội trường thôn C, nhà mẫu giáo, sân bóng đá. Đến năm 2011 được UBND tỉnh cấp GCNQSD đất số BE: 766144 tại thửa số 27 tờ bản đồ số 71 có diện tích 13838 m². UBND xã E không chấp nhận ý kiến của đại diện nguyên đơn đưa ra với lý do là đây là diện tích đất của 09 hộ dân hiến tặng cho UBND xã Đ (nay là xã E) để sử dụng vào mục đích công cộng, chứ không phải diện tích đất của gia đình ông T.

Diện tích đất của gia đình ông T nhận của ông T là 50.000m² đã chuyển nhượng hết cho 09 hộ dân (có danh sách kèm theo) qua tổng hợp theo hợp đồng chuyển nhượng và hợp đồng tặng cho đã cấp cho 09 hộ dân với tổng diện tích 50.585m², như vậy tổng diện tích khu đất này đã vượt quá diện tích 50.000m² vì vậy ông Nguyễn Xuân T khởi kiện yêu cầu UBND xã E trả 14.597.2m² là không có căn cứ, do đó UBND xã E không chấp nhận và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Quang B có ý năm 1997 ông có mua của bà Nguyễn Thị C một diện tích đất là 11.010m² và đã được cấp GCNQSDS đất.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Trần Đăng K nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Xuân T 3.910m²

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Chu Văn T có ý năm 2007 ông nhận chuyển nhượng của Giáp Văn T diện tích đất 4.493 m² đất của ông Giáp Văn Tuyến nguồn gốc đất này ông Tuyến mua của bà Nguyễn Thị C.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Đỗ Quý N có ý năm 2004 ông có mua của ông Nguyễn Xuân T một diện tích đất là 7.000m² và đã được cấp GCNQSDS đất.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T có ý năm 2011 ông nhận chuyển nhượng của ông Giáp Văn T diện tích đất 8.985 m² đất của ông Giáp Văn T nguồn gốc đất này ông T mua của bà Nguyễn Thị C. (Ông Đỗ Hữu N chuyển nhượng cho ông T ông T nhận chuyển nhượng của bà C rồi chuyển nhượng cho ông N)

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Xuân T có ý năm nguồn gốc lô đất ông đang sử dụng là 10.185m² là do mẹ ông là bà C tặng cho nguồn gốc lô đất này là mẹ ông mua của ông Ma H.

- Đất của bà C là 3.900 m² đang sử dụng.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 500, Điều 501, Điều 502 và Điều 503 Bộ luật dân sự; Điều 166; Điều 167; Điều 168 và Điều 169 Luật đất đai. Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Bác toàn bộ nội dung yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Xuân T về việc yêu cầu UBND xã E trả lại diện tích đất 14.597m²

2. Về chi phí tố tụng: ông Nguyễn Xuân T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 8.295.000 đồng. Công nhận ông T đã nộp đủ số tiền trên.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Xuân T phải nộp 30.274.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện K tỉnh Đắk Lắk theo biên lai số AA/2017/0002625 ngày 29/5/2018.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 09/6/2022, nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T nộp đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung, kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 23/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 656/QĐKNPT-VKS-DS với nội dung: Kháng nghị toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, chuyển hồ sơ vụ án cho tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên ý kiến trình bày và không tranh luận gì thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án cũng như các đương sự trong vụ án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk giữ nguyên quyết định kháng nghị phúc thẩm số 656/QĐKNPT-VKS-DS ngày 23/6/2022, đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự. Hủy toàn bộ Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, phần trình bày của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án, quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn được nộp trong thời hạn luật định và đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên hợp lệ; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk là trong hạn luật định nên đã được Tòa án cấp phúc thẩm xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn và kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, Hội đồng xét xử xét thấy:

Cấp sơ thẩm nhận định ông T khởi kiện UBND xã E là không đúng đối tượng khởi kiện vì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho UBND xã E đã bị hủy bằng quyết định có hiệu lực của Tòa án, là không đúng. Bởi vì, diện tích đất tranh chấp mà ông T khởi kiện hiện tại đang được UBND xã E bố trí, sử dụng làm hội trường thôn C, Nhà mẫu giáo, sân bóng đá, quá trình ông T muốn sử dụng đất thì UBND xã E không cho phép nên xảy ra tranh chấp, đã được hòa giải tại UBND xã E nhưng không thành. Do đó, ông T khởi kiện UBND xã E về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất” là đúng đối tượng. Từ việc xác định ông T khởi kiện không đúng đối tượng, nên cấp sơ thẩm đã không tiến hành điều tra, xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ toàn diện để làm cơ sở đánh giá, giải quyết vụ án, cụ thể:

- Không tiến hành điều tra, xác minh, lấy lời khai, thu thập tài liệu chứng cứ của UBND xã E về việc Ủy ban cho rằng diện tích mà UBND xã được cấp là do có 09 hộ dân đồng ý hiến đất, để xác định chính xác diện tích, vị trí đất mà các hộ đã hiến cho ủy ban, từ đó xác định diện tích đất mà ông T khởi kiện có nằm trong diện tích mà các hộ đã hiến như trình bày của UBND xã E hay không.

- Không đưa bà C vào tham gia tố tụng với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan để xác định bà C có hiến đất cho UBND xã E như lời trình bày của đại diện ủy ban, hay không, cũng như vị trí, diện tích đất mà bà C hiến.

- Cấp sơ thẩm chưa lấy lời khai của ông Trần Đăng K và bà Hoàng Thị P và thu thập các tài liệu chứng cứ có liên quan để làm rõ ông T có chuyển nhượng đất cho ông K bà P hay không? Diện tích, vị trí chuyển nhượng có nằm trong diện tích trước đây ông T được cấp không.

- Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn khai ông đã xây dựng căn nhà gỗ và đào 01 giếng nước để phục vụ sinh hoạt; Biên bản làm việc ngày 23/11/2020 (bút lục 41) thể hiện trên đất tranh chấp có nhà văn hóa thôn C, Nhà mẫu giáo, 01 nền nhà cũ và 01 cái giếng nước. Tuy nhiên, Kết quả thẩm định tại chỗ không thể hiện Nhà mẫu giáo, nền nhà cũ và 01 cái giếng nước, nhưng cấp sơ thẩm chưa điều tra, làm rõ các vấn đề còn mâu thuẫn này là thiếu sót.

- Quá trình tranh chấp đất thì ông T đã khởi kiện vụ án hành chính. Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 17/2018/HC-ST ngày 24/5/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk và Bản án hành chính phúc thẩm số 160/2018/HC-PT ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, đã xác định trên diện tích đất đang tranh chấp mà UBND xã E được UBND tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BE 766144 cho UBND xã E vào ngày 19/10/2011, đã có người sử dụng đất từ trước là gia đình ông T, có giếng nước và nền móng nhà, nên đã hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho UBND xã E. Bản án của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, cấp sơ thẩm không căn cứ vào các tình tiết, sự việc đã được chứng minh trong vụ án hành chính nói trên để làm căn cứ, đánh giá, giải quyết trong vụ án này là còn thiếu sót.

- Về án phí: Đây là tranh chấp quyền sử dụng đất, nguyên đơn khởi kiện cho rằng diện tích đất mà bị đơn UBND xã E đang quản lý, sử dụng là của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án tuyên bị đơn trả lại cho nguyên đơn nhưng bản án sơ thẩm lại xác định là án phí có giá ngạch là không đúng, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 27 của Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì phải xác định là án phí không có giá ngạch.

Từ những lập luận trên xét thấy cấp sơ thẩm có nhiều vi phạm về tố tụng, điều tra, thu thập chứng cứ chưa đầy đủ, toàn diện dẫn đến việc đánh giá chứng cứ, giải quyết vụ án chưa khách quan, toàn diện và không đủ căn cứ vững chắc, làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Do vậy, cần chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk. Hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Krông Năng giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm

[3] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Án phí dân sự sơ thẩm được quyết định lại khi giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Nguyễn Xuân T.

Chấp nhận kháng nghị phúc thẩm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

Hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2022/DS-ST ngày 26/5/2022 của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng tỉnh Đắk Lắk. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện K giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm được quyết định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn Xuân T không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Hoàn trả cho ông T số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo Biên lai số 0009081 ngày 23/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Krông Năng;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Tấn Đức